

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục bổ sung, sửa đổi thức ăn thủy sản;
sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản
được phép lưu hành tại Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 08/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 02 năm 2010 về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sửa đổi, bổ sung thức ăn thủy sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục bổ sung, sửa đổi thức ăn thủy sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam bao gồm:

1. Danh mục bổ sung thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (Phụ lục 1);

2. Danh mục bổ sung sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (Phụ lục 2);

3. Danh mục sửa đổi tên nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, tên sản phẩm tại các Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam (Phụ lục 3).

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 10 năm 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến sản xuất, kinh doanh và sử dụng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Văn Tám

Phụ lục 1
DANH MỤC BỔ SUNG THỨC ĂN THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP
LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 8 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

I. THỨC ĂN HỖN HỢP HOÀN CHỈNH

1. Sản phẩm sản xuất trong nước

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
Công ty cổ phần EWOS Việt Nam Địa chỉ: Cụm công nghiệp Long Định, Long Cang, Ấp 4, Xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Điện thoại: 072.3725545 Fax: 072.3725424				
1	Thức ăn hỗn hợp cho cá tra, cá basa EWOS 1230 Giai đoạn: 5-20g/con	TCCS số: 04:2011/ EWOS LA	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	30
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	25,5
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	7
			Hàm lượng tro (max)	12
2	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi EWOS 2140 Giai đoạn: <5g/con	TCCS số: 05:2011/ EWOS LA	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	40
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	34
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16
3	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô phi EWOS 2235 Giai đoạn: 5-10g/con	TCCS số: 06:2011/ EWOS LA	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	35
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	29,75
			Hàm lượng lipid thô (min)	6
			Hàm lượng xơ thô (max)	5
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
4	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS SAPPHIRE 230. Giai đoạn: 10-20g/con	34:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	30
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	25,5
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
5	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS RUBY 230. Giai đoạn: 10 - 20g/con	35:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	30
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	25,5
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
6	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS DIAMOND 230. Giai đoạn: 10-20g/con	36:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	30
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	25,5
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
7	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS SAPPHIRE 228. Giai đoạn: 20-200g/con	37:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	28
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	23,8
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16

TT	Tên sản phẩm	Số công bố chất lượng	Thành phần	Hàm lượng (%)
8	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS RUBY 228. Giai đoạn: 20-200g/con	38:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	28
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	23,8
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
9	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS DIAMOND 228. Giai đoạn: 20-200g/con	39:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	28
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	23,8
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
10	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS DIAMOND 232. Giai đoạn 10-20g/con	33:012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	32
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	27,2
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16
11	Thức ăn hỗn hợp dạng viên nổi dùng cho cá rô phi EWOS RUBY 232. Giai đoạn: 10-20g/con	32:2012 EWOS	Độ ẩm (max)	11
			Hàm lượng protein thô (min)	32
			Hàm lượng protein có khả năng tiêu hóa (min)	27,2
			Hàm lượng lipid thô (min)	5
			Hàm lượng xơ thô (max)	6
			Hàm lượng tro (max)	16